

KẾ HOẠCH

Thực hiện Nghị quyết số 48/NQ-CP ngày 03/4/2023 của Chính phủ phê duyệt Chiến lược khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050

Để triển khai thực hiện Nghị Quyết số 48/NQ-CP ngày 03/4/2023 của Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (sau đây gọi tắt là Nghị Quyết số 48/NQ-CP) và căn cứ tình hình thực tế tại địa phương, Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang ban hành kế hoạch triển khai thực hiện, với những nội dung chủ yếu như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Nhằm tổ chức quán triệt sâu rộng, cụ thể hóa và triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 48/NQ-CP phù hợp với đặc điểm, tình hình của tỉnh. Trong đó phải coi tài nguyên, môi trường biển là nền tảng và là nguồn lực quan trọng để phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Tài nguyên, môi trường biển phải được khai thác, sử dụng hiệu quả, bền vững gắn với bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học, ứng phó với biến đổi khí hậu và nước biển dâng. Khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo dựa trên cơ sở kết quả điều tra cơ bản tài nguyên, môi trường biển và hải đảo, áp dụng khoa học công nghệ hiện đại, nguồn lực chất lượng cao và những tri thức tích lũy được từ cuộc sống của cộng đồng dân cư ven biển, đảm bảo phát triển kinh tế biển xanh.

- Tăng cường quyền lợi, trách nhiệm của mọi cá nhân, tổ chức tham gia các hoạt động trên biển; trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, của toàn xã hội, đặc biệt là vai trò của các cấp chính quyền địa phương, sự tham gia của doanh nghiệp, cộng đồng và người dân về bảo đảm quốc phòng, an ninh, giữ vững chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, tăng cường đối ngoại, hợp tác quốc tế về biển, góp phần duy trì môi trường hoà bình, ổn định.

- Phân công trách nhiệm cụ thể, rõ ràng cho từng cơ quan, đơn vị gắn với công tác theo dõi, kiểm tra, giám sát nhằm phát huy tinh thần chủ động, sáng tạo của từng ngành, địa phương. Làm cơ sở để các Sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thị, thành chủ động triển khai các công việc theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

2. Yêu cầu

- Các cấp, các ngành, các địa phương theo chức năng, nhiệm vụ, phạm vi, lĩnh vực được giao tổ chức quán triệt và triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp đã nêu trong Nghị quyết số 48/NQ-CP của Chính phủ và Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 48/NQ-CP của Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Đảm bảo sự lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành tập trung thống nhất của Ủy ban nhân dân tỉnh, sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương trong việc xác định những nội dung trọng tâm, trọng điểm, cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp để thực hiện tốt Nghị quyết số 48/NQ-CP.

II. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU

1. Quan điểm

- Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo là nền tảng và là nguồn lực quan trọng để phát triển đất nước, phải được khai thác, sử dụng hiệu quả, bền vững để phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội và bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học, ứng phó với biến đổi khí hậu và nước biển dâng.

- Khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo dựa trên cơ sở kết quả điều tra cơ bản tài nguyên, môi trường biển và hải đảo, khoa học công nghệ hiện đại, nguồn lực chất lượng cao và những tri thức tích lũy được từ cuộc sống của cộng đồng dân cư ven biển, đảm bảo phát triển kinh tế biển xanh.

- Khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo là quyền lợi, trách nhiệm của mọi tổ chức, cá nhân tham gia các hoạt động trên biển và phải gắn liền với bảo đảm quốc phòng, an ninh, giữ vững độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, tăng cường đối ngoại, hợp tác quốc tế về biển, góp phần duy trì môi trường hoà bình, ổn định cho phát triển đất nước, trở thành quốc gia mạnh về biển, giàu từ biển.

2. Mục tiêu tổng quát

- Tài nguyên biển và hải đảo được khai thác hợp lý, sử dụng hiệu quả, công bằng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội gắn với bảo đảm quốc phòng an ninh, đối ngoại và hợp tác quốc tế.

- Đẩy nhanh tốc độ xây dựng phát triển tỉnh Tiền Giang trở thành tỉnh mạnh về biển; đạt các tiêu chí quốc gia về phát triển bền vững kinh tế biển; bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa biển; hình thành văn hóa sinh thái biển; chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu, nước biển dâng; ngăn chặn xu thế ô nhiễm, suy thoái môi trường biển, tình trạng sạt lở bờ biển, xâm thực vùng ven biển; phục hồi và bảo tồn các hệ sinh thái biển trên địa bàn tỉnh; ứng dụng thành tựu khoa học mới, tiên tiến, hiện đại trong phát triển bền vững kinh tế biển của tỉnh.

a) Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

- Tài nguyên biển và hải đảo được khai thác hợp lý, sử dụng hiệu quả để phát triển nhanh và bền vững các ngành kinh tế biển và khu vực ven biển, nhất là các lĩnh vực kinh tế biển chủ lực theo thứ tự ưu tiên: (1) Du lịch và dịch vụ biển; (2) Kinh tế hàng hải; (3) Khai thác các tài nguyên khoáng sản biển; (4) Nuôi trồng và khai thác hải sản; (5) Công nghiệp ven biển; (6) Năng lượng tái tạo và các ngành kinh tế biển mới; nâng cao đời sống và sinh kế cộng đồng.

- Về khoa học, công nghệ, phát triển nguồn nhân lực biển: Tiếp cận, ứng dụng thành tựu khoa học và công nghệ biển đạt trình độ tiên tiến, hiện đại. Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực biển, đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ biển có năng lực, trình độ cao.

- Về môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng:

+ Đánh giá được tiềm năng, giá trị các tài nguyên biển quan trọng. Thiết lập cơ sở dữ liệu về biển, đảo, bảo đảm tính tích hợp, chia sẻ và cập nhật.

+ Ngăn ngừa, kiểm soát và giảm đáng kể ô nhiễm môi trường biển; ở các khu đô thị ven biển, 100% chất thải nguy hại, chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, xử lý; 100% khu công nghiệp và khu đô thị ven biển được quy hoạch, xây dựng theo hướng bền vững, sinh thái, thông minh, thích ứng với biến đổi khí hậu, nước biển dâng.

+ Ứng phó hiệu quả với thiên tai, biến đổi khí hậu và nước biển dâng dựa vào sử dụng bền vững tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo cùng với năng lực dự báo, cảnh báo thiên tai, biến đổi khí hậu và tác động của nước biển dâng được tăng cường.

+ Quản lý và bảo vệ tốt các hệ sinh thái biển, ven biển và hải đảo; duy trì tỷ lệ che phủ rừng ven biển. Có biện pháp phòng, tránh, ngăn chặn, hạn chế tác động của triều cường, xâm nhập mặn, xói lở bờ biển.

- Tăng cường năng lực và hiện đại hóa cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ quản lý tài nguyên, môi trường biển trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

- Phấn đấu đến năm 2030 các ngành kinh tế biển phát triển bền vững theo chuẩn mực quốc tế; kiểm soát khai thác tài nguyên biển trong khả năng phục hồi của hệ sinh thái biển.

b) Tầm nhìn đến năm 2050

Tài nguyên biển và hải đảo được khai thác hợp lý, sử dụng hiệu quả nhằm đưa tỉnh Tiền Giang trở thành tỉnh mạnh về biển trên nền tảng tăng trưởng xanh, đa dạng sinh học biển được bảo tồn, môi trường biển và hải đảo trong lành, xã hội hài hoà với thiên nhiên.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Công tác quán triệt, tuyên truyền, phổ biến thông tin và triển khai thực hiện Nghị quyết

- Tập trung quán triệt các nội dung của Nghị quyết số 48/NQ-CP của Chính phủ và Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 48/NQ-CP của Ủy ban nhân dân tỉnh để tạo sự thống nhất cao trong nhận thức và hành động ở tất cả các cấp, các ngành về vai trò, vị trí và tầm quan trọng của chiến lược.

- Tổ chức tuyên truyền sâu rộng Nghị quyết số 48/NQ-CP ngày 03/4/2023 của Chính phủ với nhiều hình thức, phương thức truyền thông đa dạng, phong phú, hấp dẫn và phù hợp với từng đối tượng, tạo nhận thức sâu sắc về cơ hội, thuận lợi, thách thức, cũng như tiềm năng, lợi thế của vùng biển phía Đông tỉnh để tạo đột phá phát triển bền vững.

- Đổi mới tư duy phát triển, đẩy mạnh quyết tâm của các cấp, các ngành, phát huy mạnh mẽ tinh thần tự lực, tự cường, sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực trong việc triển khai thực hiện các mục tiêu đã đề ra, phát triển nguồn nhân lực, cơ sở hạ tầng đồng bộ, hiện đại, kết nối và liên kết vùng.

- Tập trung tuyên truyền, nâng cao ý thức của người dân về biển, về sử dụng bền vững tài nguyên và bảo vệ môi trường biển thông qua các chiến dịch tuyên truyền cao điểm hàng năm bao gồm: Ngày Môi trường thế giới (05/6), Ngày Đại dương thế giới (08/6), Tuần lễ Biển và Hải đảo Việt Nam (01 - 08/6),...

- Đẩy mạnh giáo dục pháp luật nhằm nâng cao hiểu biết, từ đó hình thành ý thức bảo vệ môi trường, trồng, phục hồi và bảo vệ rừng ngập mặn, ý thức chấp hành pháp luật về biển trong xã hội. Tuyên truyền, phổ biến kiến thức cho cộng đồng dân cư ven biển về biển đổi khí hậu và kỹ năng thích nghi để sống chung với biển đổi khí hậu. Vận động ngư dân không sử dụng các biện pháp có tính hủy diệt, thiếu bền vững trong khai thác hải sản, không khai thác hải sản trong các vùng cấm, không đánh bắt các loài thủy sinh thuộc danh mục cấm khai thác và có trách nhiệm bảo vệ các loài thủy sinh thuộc danh mục ưu tiên bảo vệ.

- Các phương tiện thông tin đại chúng và truyền thông có chuyên mục tuyên truyền về tài nguyên thiên nhiên, môi trường và trách nhiệm của người dân trong việc bảo vệ, khai thác, sử dụng bền vững các nguồn tài nguyên, giữ gìn chất lượng môi trường biển; phổ biến kiến thức về phòng ngừa, ứng phó, kiểm soát, khắc phục hậu quả thiên tai, sự cố môi trường biển; nâng cao nhận thức về hợp tác, hội nhập, bảo vệ chủ quyền, tài nguyên, môi trường biển, đảo.

- Đưa nội dung giáo dục về tài nguyên, môi trường, chủ quyền biển, đảo vào chương trình giảng dạy ở các cấp học phổ thông, trung học cơ sở nhằm cung cấp thông tin, kiến thức cơ bản về biển, tài nguyên và môi trường biển nước ta, về sử dụng bền vững tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo cho các tầng lớp học sinh, sinh viên. Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên trong tuyên truyền, giáo dục ý thức về khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên và bảo vệ môi trường biển.

2. Tập trung hoàn thiện các quy hoạch, kế hoạch liên quan đến biển đảo

- Triển khai thực hiện quy hoạch tổng thể và quy hoạch chi tiết các khu vực cần bảo vệ nguồn lợi thủy sản, khu vực nuôi trồng thủy - hải sản; xây dựng và thực hiện cơ chế, chính sách phù hợp cho các hộ dân có liên quan.

- Triển khai thực hiện quy hoạch các khu công nghiệp, cụm công nghiệp và khu đô thị ven biển được các cấp có thẩm quyền phê duyệt đảm bảo phù hợp với quy định về Hành lang bảo vệ bờ biển theo hướng bền vững, dựa vào hệ sinh thái, thích ứng thông minh với biến đổi khí hậu, nước biển dâng, đáp ứng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3. Khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên biển

a) Phân vùng sử dụng không gian biển

- Từng bước khắc phục những mâu thuẫn, chồng chéo về lợi ích khai thác, sử dụng tài nguyên giữa các ngành, các cấp, bảo đảm hài hòa lợi ích của Nhà nước, doanh nghiệp, cộng đồng dân cư và sinh kế của người dân, bảo đảm môi trường biển, các hệ sinh thái biển, ven biển được bảo vệ hiệu quả, ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng.

- Thực hiện các mục tiêu bảo đảm quốc phòng, an ninh; khai thác, sử dụng tài nguyên biển; bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học, hệ sinh thái và nguồn lợi thủy sản và bảo tồn các di sản văn hóa biển;

- Ưu tiên bố trí không gian biển cho các hoạt động sau:

+ Phát triển nhanh, đa dạng các lĩnh vực thương mại, dịch vụ, du lịch. Chú trọng phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, trải nghiệm cộng đồng. Hình thành các tuyến du lịch biển gắn với du lịch văn hóa và tuyến du lịch liên tỉnh;

+ Khai thác tốt các tuyến vận tải đường thủy, đẩy mạnh phát triển hệ thống cảng, dịch vụ vận tải biển, từng bước hình thành các chuỗi cung ứng vận tải biển, tổng kho phân phối, hoàn thiện hạ tầng Logistics kết nối liên thông với các cảng biển lớn của khu vực. Xây dựng lộ trình mở rộng, nâng cấp cảng để có khả năng tiếp nhận các tàu trọng tải lớn, đáp ứng nhu cầu phát triển dịch vụ vận tải biển.

+ Đánh giá, thăm dò, khai thác tài nguyên biển (cát biển và các loại khoáng sản khác) tiết kiệm, hiệu quả.

+ Phát triển ngành thủy sản toàn diện trên các lĩnh vực nuôi trồng, khai thác, chế biến và dịch vụ hậu cần thủy sản theo hướng hiệu quả, hiện đại, bền vững, bảo vệ môi trường sinh thái, phù hợp với yêu cầu hội nhập quốc tế, góp phần bảo vệ quốc phòng, an ninh trên biển. Phấn đấu đến năm 2030, diện tích nuôi thủy sản đạt 15.480 ha, trong đó: Diện tích nuôi lợn, mặn là 10.965 ha; Diện tích nuôi nước ngọt là 4.515 ha; Tổng sản lượng thủy nuôi thủy sản đạt 178.338 tấn. Giá trị kim ngạch xuất khẩu đạt 300 triệu USD/năm. Có ít nhất 02 vùng dự

án nuôi thủy sản công nghệ cao. Có 30% diện tích nuôi thủy sản chủ lực áp dụng các quy trình/mô hình sản xuất tiên tiến; các tiêu chuẩn sản xuất tốt, an toàn, bền vững vào trong quá trình sản xuất. Diện tích rừng ngập mặn ven biển trên 2.000ha, chiếm 94,9% diện tích rừng toàn tỉnh.

+ Xây dựng quy hoạch các khu, cụm công nghiệp ven biển với các ngành công nghiệp công nghệ cao, công nghệ nền tảng, công nghệ nguồn.

+ Nghiên cứu, phát triển năng lượng tái tạo (điện gió); Xác định các khu vực có thể lấn biển để phát triển kinh tế - xã hội và khu vực nhận chìm ở biển trong trường hợp các vật liệu nạo vét không đổ được trên bờ.

b) Ưu tiên nguồn lực để đẩy mạnh các hoạt động, mô hình khai thác, sử dụng tài nguyên hiệu quả, thân thiện môi trường, các dự án đáp ứng tiêu chí kinh tế tuần hoàn, phù hợp với trữ lượng tài nguyên và sức chứa sinh thái; hạn chế các hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên bằng các công nghệ lạc hậu, hiệu quả thấp, gây tổn hại đến tài nguyên, ô nhiễm môi trường, suy giảm đa dạng sinh học.

c) Tạo bước chuyển biến căn bản trong công tác quản lý tổng hợp tài nguyên biển, tài nguyên vùng bờ thông qua áp dụng các công cụ quy hoạch, kế hoạch, chương trình quản lý tổng hợp. Áp dụng các công cụ thuế, phí, cơ chế đấu giá, đấu thầu trong khai thác, sử dụng tài nguyên biển.

d) Tăng cường áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy định quốc tế về phát triển bền vững của các ngành kinh tế biển, thực thi có hiệu quả các công ước, điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, ngăn chặn hiệu quả khai thác thủy sản bất hợp pháp, không khai báo, không theo quy định.

đ) Thúc đẩy hoạt động đồng quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, chia sẻ trách nhiệm và quyền hưởng lợi trong khai thác, sử dụng tài nguyên biển và hải đảo; đào tạo, hỗ trợ chuyển đổi nghề, đa dạng hóa sinh kế cho cộng đồng; bảo tồn các di sản văn hóa biển bằng các giải pháp chính sách, pháp luật, tài chính, nhân lực và cơ sở vật chất, trang thiết bị.

4. Bảo vệ môi trường biển và hải đảo

- Thực hiện định kỳ công tác thống kê, phân loại, quan trắc và đánh giá các loại hình ô nhiễm, tình trạng ô nhiễm, nguồn gây ô nhiễm môi trường biển.

- Thực hiện điều tra, đánh giá sức chịu tải môi trường biển, xác định cấp độ rủi ro ô nhiễm môi trường biển cho phát triển kinh tế biển; phân vùng rủi ro và lập bản đồ phân vùng rủi ro ô nhiễm môi trường biển; công bố các khu vực biển, hải đảo vượt sức chịu tải môi trường.

- Tăng cường năng lực và chủ động kiểm soát, giám sát, xử lý các vấn đề môi trường biển của tỉnh bao gồm ô nhiễm môi trường biển, axit hóa đại dương và các vấn đề liên quan khác.

- Ưu tiên nguồn lực từ nguồn kinh phí bảo vệ môi trường để triển khai Kế hoạch hành động quốc gia về quản lý rác thải nhựa đại dương đến năm 2030. Đến năm 2030, tỷ lệ thu hồi, xử lý rác thải nhựa tại các bãi biển, khu du lịch biển đạt 100%.

- Tăng cường năng lực hệ thống quan trắc, giám sát tổng hợp tài nguyên, môi trường biển và hải đảo. Đến năm 2030, hệ thống quan trắc, giám sát tổng hợp được hoàn thiện, hoạt động hiệu quả và được kết nối và tích hợp dữ liệu với hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên, môi trường biển và hải đảo quốc gia.

- Kiện toàn tổ chức, tăng cường năng lực, hiện đại hóa cơ sở vật chất, kỹ thuật, các công cụ, phương tiện, chế tài; nâng cao hiệu quả công tác phối hợp thanh tra, kiểm tra, giám sát trong kiểm soát và xử lý ô nhiễm môi trường biển và hải đảo.

5. Bảo tồn đa dạng sinh học và nguồn lợi biển

- Tăng cường công tác bảo tồn đa dạng sinh học tại vùng biển của tỉnh. Bảo tồn và phát triển rừng ngập mặn, dự kiến đến năm 2030 diện tích rừng ngập mặn khoảng trên 2.000ha.

- Đẩy mạnh điều tra, đánh giá và xác định mức độ dễ bị tổn thương, tính nguy cấp của các loài sinh vật biển đặc hữu, có giá trị khoa học và kinh tế để đưa ra các phương án, giải pháp bảo vệ, bảo tồn và phục hồi.

- Đến năm 2030, 100% các khu vực bảo vệ nguồn lợi thủy sản được xác định và quản lý hiệu quả.

- Kiểm soát chặt chẽ hoạt động khai thác, gây nuôi và buôn bán xuyên biên giới các loài sinh vật biển hoang dã thuộc danh mục cần được bảo tồn.

- Ngăn ngừa, kiểm soát chặt chẽ và phòng trừ có hiệu quả các loài sinh vật ngoại lai xâm hại; kiểm soát chặt chẽ sự du nhập các giống, loài thủy sản ngoại lai và sự du nhập sinh vật ngoại lai qua hoạt động vận tải biển.

6. Ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng

- Tăng cường năng lực giám sát biến đổi khí hậu, dự báo, cảnh báo, hệ thống truyền tin cảnh báo sớm rủi ro trên biển và vùng ven biển để chủ động ứng phó với thiên tai và biến đổi khí hậu; định kỳ cập nhật kịch bản biến đổi khí hậu, nước biển dâng. Đến năm 2030, hệ thống dự báo, cảnh báo thiên tai, tác động của biến đổi khí hậu được hiện đại hóa và được kết nối thông suốt.

- Nâng cao khả năng chống chịu và phục hồi của hệ thống tự nhiên và xã hội vùng biển và ven biển trước các tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu; phát triển mô hình cộng đồng ứng phó với thiên tai và biến đổi khí hậu; giám sát tác động của biến đổi khí hậu đến các ngành kinh tế biển và đời sống, sinh kế cộng đồng trên vùng biển và ven biển.

- Triển khai các giải pháp ứng phó, trong đó có giải pháp ứng phó dựa vào hệ sinh thái và các giải pháp dựa vào tự nhiên thông qua việc bảo tồn và phục hồi các hệ sinh thái biển và ven biển nhằm giảm thiểu thiệt hại do nước biển dâng, xâm nhập mặn, lũ lụt, hạn hán và các tác động liên quan khác đối với vùng biển và ven biển.

- Chủ động chuẩn bị các phương án, điều kiện phòng, tránh và giảm nhẹ thiên tai và tác động của biến đổi khí hậu và nước biển dâng trong hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển và hải đảo phù hợp với từng ngành kinh tế biển, các vùng biển và ven biển.

- Rà soát và đổi mới công nghệ và hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển và hải đảo theo hướng giảm thiểu phát thải khí nhà kính theo cam kết của Việt Nam tại COP 26 về đạt mức phát thải ròng bằng 0 vào năm 2050.

7. Điều tra cơ bản biển và hải đảo

- Phối hợp với các bộ, ngành Trung ương tiếp tục rà soát, xây dựng và triển khai thực hiện hiệu quả các đề án, dự án, nhiệm vụ thuộc Chương trình trọng điểm điều tra cơ bản tài nguyên, môi trường biển phục vụ trực tiếp cho hoạt động phát triển bền vững kinh tế biển theo Nghị quyết 36-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Hội nghị Trung ương 8 khóa XII về chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Xây dựng và số hoá hồ sơ tài nguyên hải đảo nhằm mục tiêu khai thác, sử dụng hợp lý, hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường và góp phần bảo đảm quốc phòng, an ninh trên hải đảo của Việt Nam.

8. Khoa học, công nghệ và hợp tác quốc tế

- Tăng cường ứng dụng khoa học, công nghệ mới trong khai thác, nuôi trồng, bảo quản, chế biến thủy sản sau thu hoạch. Chuyển từ nuôi trồng thủy sản theo phương thức truyền thống sang công nghiệp có ứng dụng công nghệ hiện đại, năng suất, chất lượng cao. Tăng cường ứng dụng khoa học, công nghệ mới trong chuỗi giá trị khép kín từ nuôi trồng, khai thác, bảo quản đến chế biến, nhằm tạo ra các sản phẩm chủ lực, có chất lượng, giá trị kinh tế, tính cạnh tranh cao, đáp ứng nhu cầu của thị trường.

- Thường xuyên chủ động tìm kiếm, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, tổ chức khoa học trong và ngoài nước để tiến hành điều tra, đánh giá về tài nguyên, hệ sinh thái biển và ven biển của tỉnh.

- Đầu tư phát triển trang thiết bị, phương tiện, nguồn nhân lực cho nghiên cứu khoa học, công nghệ hiện đại.

- Thúc đẩy sự tham gia của doanh nghiệp và khối tư nhân, thông qua các chính sách khuyến khích đầu tư vào công tác phát triển khoa học, công nghệ

biển, đặc biệt trong các lĩnh vực công nghệ chế biến sâu, công nghệ khai thác, sử dụng tài nguyên hiệu quả, thân thiện môi trường.

- Đẩy mạnh hợp tác, tranh thủ sự hỗ trợ của các đối tác, các tổ chức quốc tế và khu vực để phát triển nguồn nhân lực, cơ sở hạ tầng kinh tế biển, nghiên cứu khoa học và ứng dụng công nghệ hiện đại vào các ngành kinh tế biển, bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu, nước biển dâng.

9. Đẩy mạnh giáo dục, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực biển

- Xây dựng các chương trình đào tạo nghề và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu thị trường để phục vụ cho các ngành kinh tế vùng ven biển và chuyển đổi nghề nghiệp của người dân.

- Tiếp tục hoàn thiện hệ thống luật pháp, thể chế liên quan tới Quản lý tổng hợp vùng bờ, trong đó tập trung nghiên cứu, đề xuất các biện pháp nâng cao hiệu quả, hiệu lực quản lý, xác định quản lý nhà nước về biển đảo là một nội dung quan trọng trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội.

- Tăng cường năng lực, kiện toàn tổ chức, bộ máy tham mưu về Quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển và hải đảo các cấp (xã, huyện, tỉnh) để tăng cường công tác quản lý về tài nguyên môi trường biển.

- Có cơ chế khuyến khích các cơ quan khoa học - kỹ thuật, trường học, các tổ chức kinh tế, chính trị, xã hội cũng như cộng đồng dân cư ven biển... tham gia rộng rãi vào quá trình Quản lý tổng hợp vùng bờ.

10. Xây dựng cơ chế tài chính bền vững phục vụ khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên biển và hải đảo

- Huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn đầu tư, ngoài nguồn vốn từ ngân sách nhà nước, cần đẩy mạnh xã hội hóa các nguồn vốn đầu tư để phục vụ công tác quản lý, điều tra cơ bản, nghiên cứu khoa học, khai thác, sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo.

- Nghiên cứu, xây dựng cơ chế tăng nguồn thu cho ngân sách nhà nước từ khai thác, sử dụng tài nguyên và môi trường biển; cơ chế đầu tư trở lại cho điều tra, nghiên cứu về biển, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường biển.

11. Xây dựng hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu tài nguyên, môi trường biển

Đầu tư xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu tài nguyên môi trường biển của tỉnh; triển khai việc tích hợp và số hoá cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường của các sở, ngành, địa phương với cơ sở dữ liệu biển của tỉnh; đầu tư nâng cấp hạ tầng công nghệ bảo đảm việc nhập, cập nhật, khai thác, chia sẻ dữ liệu đối với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu biển của Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các sở, ngành khác.

IV. NHIỆM VỤ CỤ THỂ

1. Sở Tài nguyên và Môi trường

- Chủ trì, theo dõi, đôn đốc việc thực hiện các nhiệm vụ đã đề ra của Kế hoạch này. Hằng năm, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổng hợp, báo cáo tình hình thực hiện Kế hoạch, những khó khăn, vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện để báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường (có thể lồng ghép trong báo cáo Thông tư số 10/2016/TT-BTNMT ngày 16/5/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết nội dung, thể thức, thời điểm báo cáo về quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển và hải đảo).

- Tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Hội nghị lần thứ tám BCH Trung ương Đảng khóa XII về phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết số 26/NQ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ ban hành kế hoạch tổng thể và kế hoạch 5 năm của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22/10/2018; Kế hoạch số 191/KH-UBND ngày 24/7/2020 của UBND tỉnh Tiền Giang về thực hiện Nghị quyết số 26/NQ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Chủ trì, phối hợp các cơ quan, đơn vị có liên quan, tham mưu đề xuất cấp có thẩm quyền kiện toàn hệ thống cơ quan quản lý nhà nước tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo theo quy định.

- Chủ trì, phối hợp các cơ quan, đơn vị có liên quan, tham mưu đề xuất cấp có thẩm quyền tăng cường nâng cao năng lực, hiện đại hóa cơ sở vật chất, kỹ thuật, phục vụ quản lý tổng hợp tài nguyên, và bảo vệ môi trường biển, hải đảo trên địa bàn tỉnh.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương có liên quan xây dựng, triển khai các chương trình, đề án, dự án thúc đẩy hoạt động thủy sản; nuôi trồng thủy sản trên biển; khai thác thủy sản bền vững; các công nghệ chế biến sâu sản phẩm thủy sản; bảo tồn biển, phục hồi, bảo vệ và phát triển bền vững nguồn lợi thủy sản, hệ sinh thái biển, ven biển để đóng góp vào phát triển kinh tế biển, ven biển.

- Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh phối hợp các bộ, ngành Trung ương xây dựng: Đề án phát triển nuôi trồng thủy sản trên biển đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; phối hợp với Ủy ban nhân dân 02 huyện Gò Công Đông, Tân Phú Đông thành lập mới khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản, phục hồi hệ sinh thái biển đến năm 2030.

- Theo dõi và quản lý các hoạt động khai thác hải sản xa bờ, nuôi trồng thủy - hải sản tại khu vực ven biển, khoanh vùng, bảo vệ các khu vực bãi giống, bãi đẻ, bảo vệ diện tích rừng ngập mặn.

3. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan tham mưu đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh phát triển và nhân rộng các mô hình du lịch bền vững, du lịch cộng đồng trên biển và vùng ven biển, đẩy mạnh phát triển tuyến du lịch sinh thái tại khu vực Côn Ngang, huyện Tân Phú Đông.

- Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh phối hợp các bộ, ngành Trung ương xây dựng: Đề án phát triển bền vững du lịch, dịch vụ biển và hải đảo Việt Nam đến năm 2030; Điều tra tổng thể và lập hồ sơ các di tích lịch sử, văn hóa, danh lam thắng cảnh, di tích văn hóa phi vật thể gắn với biển và hải đảo

4. Sở Công Thương

Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan có liên quan tham mưu đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện các dự án, nhiệm vụ về phát triển kinh tế biển; phát triển các ngành công nghiệp ven biển có trọng tâm, trọng điểm và thân thiện với môi trường. Ưu tiên bố trí các cụm công nghiệp, các công trình, dự án trong quy hoạch phát triển cụm công nghiệp, quy hoạch ngành nghề,... trên địa bàn huyện Gò Công Đông, huyện Tân Phú Đông theo đúng mục đích, yêu cầu của Kế hoạch để thu hút nguồn lực, khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư cho phát triển bền vững kinh tế biển.

5. Sở Giao thông vận tải

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tham mưu đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo việc tổ chức thực hiện các chính sách, nhiệm vụ về phát triển kết cấu hạ tầng giao thông vùng ven biển, cảng biển, vận tải biển. Đề xuất ưu tiên đầu tư các công trình, dự án trong quy hoạch giao thông vận tải của tỉnh trên địa bàn huyện Gò Công Đông, Tân Phú Đông và khu vực ven biển theo đúng mục đích, yêu cầu của Kế hoạch.

- Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh phối hợp các Bộ, ngành Trung ương xây dựng các dự án, các chương trình, nhiệm vụ phát triển giao thông theo đúng tinh thần Nghị quyết số 48/NQ-CP ngày 03/4/2023 của Chính Phủ.

6. Sở Xây dựng

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tham mưu đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh phát triển các đô thị xanh ven biển, khu đô thị sinh thái ven biển gắn với hình thành các trung tâm kinh tế biển mạnh; thực hiện tốt hoạt động đầu tư xây dựng, phát triển hạ tầng kỹ thuật thông minh cho các đô thị ven biển.

- Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh phối hợp các Bộ, ngành Trung ương xây dựng Đề án xây dựng, phát triển một số đô thị, khu đô thị ven biển hiện đại

theo mô hình sinh thái, tăng trưởng xanh, thông minh gắn với phát triển du lịch bền vững.

7. Sở Khoa học và Công nghệ

- Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và các sở, ngành, địa phương có liên quan xây dựng tham mưu triển khai các nhiệm vụ khoa học và công nghệ liên quan đến biển; chuyển giao, ứng dụng khoa học công nghệ vào nuôi trồng, khai thác, bảo quản sản phẩm hải sản,... phục vụ khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên và bảo vệ môi trường biển.

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành và địa phương có liên quan hướng dẫn, hỗ trợ các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh xác lập quyền sở hữu công nghiệp và phát triển nhãn hiệu cho các sản phẩm nuôi biển.

8. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan có liên quan tham mưu báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh cân đối, bố trí nguồn vốn ngân sách nhà nước trong kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm để triển khai thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch này theo quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách Nhà nước và các quy định có liên quan.

- Đẩy mạnh huy động nguồn vốn đầu tư từ các thành phần kinh tế; Ưu tiên thu hút các công ty đa quốc gia có thương hiệu quốc tế, nhà đầu tư có chiến lược đầu tư dài hạn, có trách nhiệm xã hội, sử dụng trình độ công nghệ hiện đại và thân thiện với môi trường.

- Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận các dự án, các chương trình, nhiệm vụ phát triển kinh tế biển theo đúng tinh thần Nghị quyết số 48/NQ-CP của Chính phủ. Tập trung kêu gọi các dự án sản xuất các sản phẩm công nghiệp, các sản phẩm có chất lượng và sức cạnh tranh cao; các dự án ứng dụng công nghệ cao gắn với các nhà máy chế biến thủy hải sản phục vụ cho xuất khẩu.

9. Sở Tài chính

Phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan, tham mưu đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí ngân sách theo khả năng cân đối của địa phương hàng năm để thực hiện các nội dung trong Kế hoạch theo phân cấp ngân sách Nhà nước hiện hành.

10. Sở Nội vụ

- Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định của cấp có thẩm quyền về việc phê duyệt Phương án xác định ranh giới quản lý hành chính trên biển giữa các địa phương.

- Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, các cơ quan, đơn vị có liên quan, tham mưu đề xuất cấp có thẩm quyền kiện toàn hệ thống cơ quan quản lý nhà nước tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo theo quy định.

11. Sở Thông tin và Truyền thông

Chỉ đạo, đôn đốc, hướng dẫn các cơ quan báo chí, thông tin tuyên truyền trên địa bàn tỉnh tăng cường công tác tuyên truyền về chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về biển và hải đảo, bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của nước ta trên biển Đông, về tiềm năng, lợi thế và sự nghiệp phát triển bền vững kinh tế biển của tỉnh; giới thiệu tiềm năng, thế mạnh của vùng biển tỉnh Tiền Giang để thu hút đầu tư, bạn bè du khách tới tham quan, tìm hiểu về vùng biển Tiền Giang.

12. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh,

- Thực hiện tốt nhiệm vụ quốc phòng, an ninh trên biển, giữ vững chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán và lợi ích quốc gia trên biển. Tham gia phòng, chống thiên tai, cứu hộ cứu nạn trên biển, làm chỗ dựa vững chắc cho ngư dân và các thành phần kinh tế sản xuất, khai thác, sử dụng tài nguyên biển bền vững.

- Phối hợp với các cơ quan có liên quan tham gia và bảo vệ an ninh, an toàn cho các hoạt động điều tra cơ bản, nghiên cứu khoa học và khai thác, sử dụng tài nguyên tại vùng biển của tỉnh, xử lý các hành vi vi phạm theo thẩm quyền theo quy định tại khoản 4 Điều 42 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP của Chính phủ hoặc thông báo các phát hiện vi phạm về giao khu vực biển đến cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật thanh tra và xử lý vi phạm hành chính

13. Công an tỉnh

Thực hiện tốt công tác phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh, xử lý các hành vi vi phạm trong khai thác tài nguyên, gây ô nhiễm môi trường biển; đảm bảo an ninh quốc gia, an ninh trật tự trong quá trình xây dựng và triển khai các nhiệm vụ của Chiến lược; tham gia bảo vệ an ninh quốc phòng, chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán và lợi ích quốc gia trên biển.

14. Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh

Ban Quản lý các khu công nghiệp chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan có liên quan tham mưu đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện đầu tư hạ tầng các khu công nghiệp theo đúng quy hoạch được phê duyệt; thu hút lựa chọn nhà đầu tư vào các khu công nghiệp đảm bảo đúng theo quy hoạch phân khu; ưu tiên thu hút vào khu công nghiệp các dự án hỗ trợ, phát triển các ngành công nghiệp ven biển và thân thiện với môi trường.

15. Ủy ban nhân dân huyện Gò Công Đông, Tân Phú Đông

- Xây dựng kế hoạch cụ thể hóa các nhiệm vụ và giải pháp để tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh về khai thác, sử dụng

bền vững tài nguyên, bảo vệ môi trường biển tại địa phương bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ với việc thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của huyện, tỉnh.

- Phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức tuyên truyền nâng cao nhận thức cho các tầng lớp Nhân dân về khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên, bảo vệ môi trường biển.

- Chủ trì xây dựng, điều chỉnh, bố trí kinh phí và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch trong phạm vi quyền hạn của địa phương.

16. Các Sở, ngành có liên quan; Ủy ban nhân dân các huyện, thị, thành

Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ đề xuất, triển khai thực hiện các dự án phát triển kinh tế - xã hội của huyện Gò Công Đông, Tân Phú Đông và khu vực ven biển; tuyên truyền nâng cao nhận thức, ý thức về chủ quyền và vai trò của biển đảo đối với xây dựng và bảo vệ tổ quốc; về chủ trương, đường lối chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước trong phát triển bền vững kinh tế biển; giới thiệu tiềm năng, thế mạnh của vùng biển Tiền Giang để thu hút đầu tư, du khách tới tham quan, tìm hiểu về vùng biển Tiền Giang; tăng cường mở rộng quan hệ đối ngoại, hợp tác quốc tế để đấu tranh bảo vệ chủ quyền, lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở biển Đông; tranh thủ sự hỗ trợ của các đối tác, tổ chức quốc tế và khu vực để phát triển nguồn nhân lực, cơ sở hạ tầng vùng biển, ứng dụng khoa học công nghệ hiện đại để phát triển kinh tế, bảo vệ môi trường, phòng chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu, nước biển dâng.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Căn cứ Kế hoạch này, các Sở, ban, ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và thành phố Mỹ Tho nghiên cứu triển khai thực hiện Kế hoạch phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của ngành cơ quan, đơn vị mình.

2. Các Sở, ban, ngành tỉnh có liên quan tới việc thực hiện Kế hoạch này có trách nhiệm thường xuyên phối hợp cùng các Bộ, ngành Trung ương trong việc hỗ trợ vốn, khoa học và công nghệ, đào tạo phát triển nguồn nhân lực để sớm hoàn thành các công trình, dự án phát triển kinh tế biển trên địa bàn tỉnh.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các Đoàn thể tỉnh bằng nhiều hình thức và phương pháp thích hợp, tổ chức tuyên truyền và vận động đoàn viên, hội viên và nhân dân tích cực tham gia thực hiện Kế hoạch này; Mỗi đoàn viên, hội viên phải đi đầu trong công tác tuyên truyền và thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp phát triển bền vững kinh tế biển của tỉnh.

4. Các đơn vị, địa phương tăng cường kiểm tra, đôn đốc triển khai, thực hiện Kế hoạch, định kỳ hàng năm báo cáo kết quả thực hiện về Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Tài nguyên và Môi trường). Thời gian báo cáo định kỳ hàng năm tính từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 15 tháng 12 của kỳ báo cáo. Thời gian gửi báo cáo đến Sở Tài nguyên và Môi trường chậm nhất

trong ngày 17 tháng 12 để tổng hợp, báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân tỉnh.

5. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì phối hợp với các Sở, ban, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố Mỹ Tho tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch này; đồng thời theo dõi kiểm tra, đôn đốc các Sở, ban, ngành tỉnh có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố Mỹ Tho trong việc thực hiện kế hoạch; tổ chức sơ, tổng kết, báo cáo kịp thời Ủy ban nhân dân tỉnh.

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc cần phải điều chỉnh đề nghị các Sở, ban, ngành, đơn vị chức năng có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố Mỹ Tho phải kịp thời báo cáo đề xuất gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, tham mưu đề xuất, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, điều chỉnh cho phù hợp. / *Như*

Nơi nhận:

- Văn phòng chính phủ;
- TT Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội đơn vị tỉnh TG;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- VPUB: CVP, các PCVP, các Phòng nghiên cứu;
- Công Thông tin Điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, Nguyên, *lưu*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH *Mosau*
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Phạm Văn Trọng